

Số: 11.7.35.....
ĐẾN Ngày: 14/11/16.....
 Chuyển: Lưu.....
 Lưu hồ sơ số:

NGHỊ QUYẾT

Về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại
 giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025

**I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI
 ĐOẠN 2005 - 2015**

Giai đoạn 2005 - 2015, ngành nông nghiệp của tỉnh phát triển tương đối toàn diện cả chiều rộng lẫn chiều sâu; quy mô canh tác ngày càng mở rộng, đã hình thành các vùng nông sản hàng hoá tập trung với sản lượng lớn; trình độ canh tác có sự phát triển vượt bậc; chất lượng sản phẩm nông nghiệp ngày càng được cải thiện; liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm ngày càng phát triển, nhiều mặt hàng nông sản đã có thương hiệu, được thị trường tin dùng; cơ cấu cây trồng chuyển dịch đúng hướng; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của từng vùng sinh thái. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân ngành nông, lâm, thủy sản các giai đoạn 2005 - 2010 và 2011 - 2015 đạt 9,8% và 8,4%/năm. Đến năm 2015, tổng diện tích gieo trồng đạt 344.544 ha, tăng 11,2% so với năm 2010 và 24,16% so với 2005; cơ cấu ngành nông nghiệp: trồng trọt 82%, chăn nuôi 15%, dịch vụ 3%; năng suất các loại cây trồng giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân từ 3 - 4%/năm; giá trị sản xuất đạt 145 triệu đồng/ha, tăng 90% so với năm 2010. Vai trò chủ thể của người dân trong phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới (NTM) được khẳng định; thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường, nâng cao thu nhập cho người dân; vai trò định hướng của các cấp uỷ đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM được thể hiện rõ.

Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC) đạt nhiều kết quả quan trọng: diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC hiện nay đạt 43.084 ha, chiếm 16% diện tích canh tác, tăng 14% so với năm 2010; sản phẩm chiếm trên 30% giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp; năng suất các cây trồng ứng dụng CNC tăng từ 30 - 50% so với bình quân chung; chất lượng nông sản được nâng lên; lợi nhuận đạt trên 40% doanh thu¹. Chăn nuôi có nhiều chuyển biến, nổi bật là đàn bò sữa tăng trưởng mạnh²; từng bước chuyển sang quy mô trang trại, công nghiệp, giảm số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán; mức độ cơ giới hoá trong sản xuất, chăn nuôi ngày càng tăng, đã ứng dụng và chuyển giao một số công nghệ tiên tiến trên thế giới vào sản xuất, từ đó hình thành các chuỗi giá trị sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

¹ Rau: giá trị thu hoạch đạt 450 - 500 triệu đồng/ha; đối với hoa đạt 800 triệu - 1,2 tỷ đồng/ha.

² Đến nay, có trên 17.200 con, gấp 4 lần năm 2010; trong đó có 14.794 con được nuôi từ hộ gia đình và trang trại (1.595 hộ và trang trại), còn lại là trong các doanh nghiệp.

Chương trình xây dựng NTM đã tạo được bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng, làm thay đổi bộ mặt nông thôn; đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn được nâng lên; vai trò của hệ thống chính trị và nhân dân được phát huy. Đến nay, huyện Đơn Dương và 45 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM; thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc hoàn thành xây dựng NTM; bình quân toàn tỉnh đạt 15,7 tiêu chí/xã, không còn xã đạt dưới 07 tiêu chí. Giai đoạn 2011 - 2015, đã đầu tư khoảng 6.000 tỷ đồng từ các nguồn vốn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, trọng tâm là đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, lâm nghiệp và xây dựng NTM.

Bên cạnh kết quả đạt được, còn những khuyết điểm, hạn chế, khó khăn sau: sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh chưa cao; tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ trong cơ cấu ngành nông nghiệp còn thấp³; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn khó khăn; đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn thiếu đồng bộ, còn dàn trải, hiệu quả thấp; quan hệ sản xuất chuyển đổi chậm, chưa tương xứng với sự phát triển của lực lượng sản xuất; ứng dụng khoa học - công nghệ trong nông nghiệp chưa đồng đều giữa các vùng, lĩnh vực sản xuất; kinh tế hợp tác phát triển chậm, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xây dựng, quảng bá thương hiệu nông sản gặp nhiều khó khăn; công nghệ sau thu hoạch hạn chế; phát triển nông nghiệp chưa thật sự bền vững; các giải pháp quản lý, xử lý chất thải, phế thải vật tư nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên, môi trường chưa quyết liệt; nhiều dịch bệnh mới xuất hiện, tiềm ẩn nguy cơ, ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, nông thôn; tư duy, năng lực hội nhập quốc tế của cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp còn hạn chế; đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Nông sản Việt Nam nói chung, Lâm Đồng nói riêng phải đối mặt với những thách thức về năng lực cạnh tranh khi gia nhập các thị trường: WTO, ASEAN, TPP...

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG VÀ HIỆN ĐẠI, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tiếp tục phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tăng năng suất lao động, năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích; mở rộng liên kết sản xuất, hình thành và phát triển chuỗi giá trị, tổ chức mạng lưới thu mua tiêu thụ nông sản hợp lý, giảm khâu trung gian, tăng thu nhập cho nông dân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

a) Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 của ngành nông nghiệp đạt 5,5 - 6%/năm; cơ cấu kinh tế: ngành nông lâm, thủy sản 46 - 46,5%; cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 73 - 76%, chăn nuôi 20 - 22%, dịch vụ 4 - 5%.

³ Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp đến năm 2015: trồng trọt 82%; chăn nuôi 15%; dịch vụ 3%.

b) Duy trì diện tích đất canh tác nông nghiệp khoảng 300.000 ha; giá trị sản xuất bình quân đạt trên 170 triệu đồng/ha/năm; có trên 20% diện tích canh tác ứng dụng CNC⁴, đạt 35 - 40% giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp; sản phẩm đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm⁵; đảm bảo cung cấp nước tưới chủ động cho trên 65% diện tích gieo trồng cần tưới, có trên 15% diện tích gieo trồng áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm; giảm diện tích có giá trị sản xuất dưới 50 triệu/ha/năm xuống dưới 20%.

c) Tiếp tục phát triển nuôi cá nước lạnh theo quy hoạch. Tổng đàn gia súc, gia cầm tăng bình quân ít nhất từ 6%/năm, riêng đàn bò sữa tăng khoảng 23%/năm.

d) Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tăng 50% so với năm 2015; kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 650 - 700 triệu USD.

đ) Đến năm 2020, có ít nhất 100 xã (85,5 % tổng số xã) và ít nhất 06 huyện đạt chuẩn huyện NTM⁶; tỉnh đạt chuẩn NTM vào năm 2022. Thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc giữ vững và tiếp tục nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các xã đạt chuẩn NTM; đối với các xã còn lại của tỉnh đạt bình quân trên 16 tiêu chí/xã; không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí (trong đó phải đạt 02 tiêu chí: hộ nghèo và thu nhập).

e) Có khoảng 51% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp⁷.

1.3. Định hướng đến năm 2025

a) Phát triển ngành nông nghiệp Lâm Đồng theo hướng tiếp cận đa ngành, trở thành trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp CNC của cả nước; là vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá có giá trị cao trên thị trường Đông Nam Á.

b) Duy trì diện tích đất canh tác nông nghiệp khoảng 300.000 ha; tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành đạt 3 - 3,5%/năm; giá trị sản xuất đạt trên 220 triệu đồng/ha/năm⁸. Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 66 - 70%, chăn nuôi 25 - 28%, dịch vụ 5 - 7%; có ít nhất 70% diện tích được sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn và bền vững; giảm diện tích có giá trị sản xuất dưới 50 triệu đồng/ha/năm xuống dưới 5%.

c) Duy trì, xây dựng và phát triển hệ thống các công trình thủy lợi, ao hồ nhỏ để đảm bảo diện tích được tưới đạt trên 70% diện tích gieo trồng cần tưới, có khoảng 20 - 30% diện tích gieo trồng áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm.

d) Đến năm 2025 có 10/10 huyện đạt chuẩn NTM.

đ) Có khoảng 63,5% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp.

⁴ Theo tiêu chí mới.

⁵ Trong đó, có ít nhất 50% sản phẩm CNC được tiêu thụ qua chuỗi sản xuất thực phẩm an toàn.

⁶ Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ (huyện đạt chuẩn NTM phải có 100% số xã đạt chuẩn NTM).

⁷ Đến cuối năm 2015, tổng số lao động khu vực nông - lâm - thủy sản là 471.566 người, trong đó, lao động được đào tạo nghề là 160.332 người, chiếm 34% tổng số lao động trong nhóm ngành nông nghiệp.

⁸ Trong đó sản xuất NN/DCNC chiếm 25% diện tích canh tác, giá trị đạt khoảng 300 triệu đồng/năm.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, phát huy lợi thế cạnh tranh, tăng trưởng nhanh và ổn định

a) Quy hoạch, rà soát quy hoạch, quản lý theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp chế biến và dịch vụ. Rà soát quy hoạch phát triển nông nghiệp để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới, đảm bảo đồng bộ, phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Rà soát lại các vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp tập trung của tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; triển khai quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung; quy hoạch vùng nông nghiệp công nghệ cao cho cây chè, cà phê, nhân rộng và phát triển các mô hình nông nghiệp CNC hiệu quả.

- Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống nhà kính, nhà lưới trong sản xuất nông nghiệp của thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận theo hướng bền vững, trên cơ sở quy hoạch diện tích nhà kính, nhà lưới phù hợp, lâu dài, đảm bảo cảnh quan môi trường, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện; có cơ chế, chính sách về đất đai trong phát triển nông nghiệp.

b) *Đảm bảo cơ cấu nông nghiệp hợp lý; tiếp tục phát triển mạnh trồng trọt, nhất là những cây trồng chủ lực của tỉnh theo hướng thâm canh, tăng năng suất, ứng dụng khoa học - công nghệ; tăng tỷ trọng chăn nuôi, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung:*

- Duy trì diện tích đất canh tác nông nghiệp toàn tỉnh khoảng 300.000 ha. Rà soát, điều chỉnh các loại cây trồng, vật nuôi ở từng địa phương, đảm bảo cơ cấu hợp lý; xây dựng kế hoạch phát triển diện tích sản xuất nông nghiệp CNC và trang trại chăn nuôi đến năm 2020. Ổn định diện tích: cà phê 150.000 ha, chè 25.000 ha, dâu tằm 5.000 - 6.000 ha, điều 10.000 ha; ổn định diện tích gieo trồng: rau 58.000 ha, hoa 7.800 ha; phát triển diện tích cây dược liệu và cây đặc sản để đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất, thu nhập. Thực hiện trồng xen cây mắc ca trong vườn cà phê, chè, nhằm hình thành các mô hình canh tác bền vững, đồng thời tăng thêm thu nhập cho người dân.

- Phát triển đàn trâu, bò thịt, bò sữa cao sản, heo và diện tích nuôi cá nước lạnh. Trong đó, đến năm 2020, tổng đàn bò thịt đạt 100.000 con⁹; đàn bò sữa trong nhân dân đạt từ 40.000 - 50.000 con và khoảng 20.000 con chăn nuôi tập trung tại các trang trại doanh nghiệp, nâng sản lượng sữa tươi đạt trên 200.000 tấn/năm; phát triển các giống bò sữa cao sản HF thuần để nâng sản lượng sữa bình quân đạt 5.900 lít/con/chu kỳ. Mở rộng quy mô chăn nuôi heo, gà theo hướng trang trại, chăn nuôi quy mô công nghiệp theo quy hoạch, giảm số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ; đảm bảo thức ăn cho gia súc, gia cầm. Mở rộng diện tích trồng cỏ chăn nuôi lên 4.000 ha để đảm bảo nguồn thức ăn phát triển chăn nuôi.

⁹ Trong đó bò lai Zêbu và bò lai cao sản đạt 75% tổng đàn; riêng bò lai cao sản từ 30.000 - 35.000 con, tập trung cho các giống Red Angus, Droughtmaster, BBB.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ nông dân có ruộng đất, phát triển quy mô sản xuất, trang trại sản xuất lớn, giảm diện tích sản xuất manh mún; tạo điều kiện để các hộ nông dân, trang trại hình thành các doanh nghiệp tư nhân, dần phát triển thành các công ty TNHH, công ty cổ phần ở vùng nông thôn. Chuyển đổi diện tích canh tác hiệu quả thấp (*dưới 50 triệu đồng/ha/năm*) sang các loại cây trồng có hiệu quả cao hơn hoặc chăn nuôi.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển các vệ tinh cung cấp nguyên liệu, hình thành vùng sản xuất nguyên liệu đủ lớn, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường cao cấp; gắn sản xuất với chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

c) Về phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC:

- Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp CNC đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh (*như: rau, hoa, chè, cà phê, cây đặc sản, dược liệu, bò sữa, bò thịt và cá nước lạnh*); tăng cường tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất một cách đồng bộ, hiện đại để nâng cao năng suất và chất lượng nông sản, gắn với dịch vụ du lịch, phát triển các làng nghề truyền thống; tiếp tục hình thành và nhân rộng mối liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp một cách hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho những vùng trọng điểm sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi chất lượng cao bằng cách: xây dựng hệ thống thủy lợi đầu mối cung cấp nước sạch; hệ thống giao thông nội đồng; hệ thống dịch vụ...; có chính sách hỗ trợ ưu đãi trong thời gian đầu để phát triển và ổn định sản xuất.

- Hình thành, thu hút đầu tư và phát triển có hiệu quả Khu nông nghiệp CNC tỉnh Lâm Đồng, Khu công nghiệp nông nghiệp Tân Phú và khoảng 19 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC gắn với phát triển làng hoa, làng nghề truyền thống, xây dựng làng đô thị xanh và phát triển các mô hình du lịch canh nông.

2.2. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, xây dựng nông thôn, gắn với xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững

a) Huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn:

- Phát triển hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, đảm bảo giảm chi phí sản xuất, lưu thông hàng hoá theo khu sản xuất, vùng sản xuất. Huy động nguồn lực đầu tư 05 công trình thủy lợi trọng điểm (*Đông Thanh, Đa Sĩ, Kazam, Hiệp Thuận, Ta Hoét*); đầu tư, sửa chữa, đảm bảo công suất thiết kế các công trình thủy lợi hiện có; phát triển hệ thống ao, hồ nhỏ phục vụ nước tưới, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, hiệu quả. Đảm bảo nguồn điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là những khu, vùng sản xuất nông nghiệp CNC. Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất và chế biến nông sản. Thí điểm một số mô hình hợp tác công tư trong phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất.

- Đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư, theo phương thức "*Nhân dân làm công trình - Nhà nước hỗ trợ vật tư*" để huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, nhân dân phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, ODA... để đầu tư hạ tầng nông thôn, phục vụ sản xuất. Thực hiện Dự án vay vốn tín dụng ngành, dựa trên kết quả đầu tư

phát triển cơ sở hạ tầng (nguồn vốn vay ODA của tổ chức JICA).

b) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp như: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ nhà kính, nhà lưới, công nghệ thủy canh, công nghệ nano, công nghệ tự động hoá, công nghệ chế biến sản phẩm nông sản... Ưu tiên thực hiện các biện pháp về chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với trình độ canh tác của người dân; sử dụng hợp lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tiết kiệm nước, công nghệ bảo quản, phân loại, đóng gói sau thu hoạch; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất, chế biến nông sản, như: VietGAP, GlobalGAP, HACCP, ISO, UTZ, 4C, Rainforest..., đảm bảo chất lượng nông sản.

c) *Thực hiện cơ chế, chính sách, đẩy mạnh liên doanh, liên kết; khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân đầu tư vào nông nghiệp:*

- Xác định doanh nghiệp, hợp tác xã là lực lượng nòng cốt trong xây dựng mô hình, chuyển giao công nghệ, thu mua và tiêu thụ nông sản. Từ đó, thực hiện tốt các chủ trương, cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là các lĩnh vực: sản xuất nông nghiệp CNC; chuyển giao khoa học - kỹ thuật; sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp; thu mua, bảo quản, phân loại, đóng gói, nhãn hiệu, phân phối sản phẩm nông nghiệp. Ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu nông nghiệp CNC Lâm Đồng, Khu công nghiệp nông nghiệp Tân Phú; khuyến khích thành lập mới các doanh nghiệp tại khu vực nông thôn, tạo nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp CNC. Khuyến khích khởi nghiệp từ các hộ nông dân, chủ trang trại, nhất là nông dân thế hệ mới để thành lập doanh nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, liên kết với các hộ dân khác trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; vận dụng các cơ chế, chính sách đặc thù (theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg, ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ) để hỗ trợ cho các doanh nghiệp khi đầu tư vào thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận.

- Nghiên cứu, vận dụng tối đa các cơ chế chính sách về ưu tiên, hỗ trợ phát triển Hợp tác xã để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp (về đất đai, tài chính, tín dụng, khoa học - công nghệ, thị trường, đào tạo, nguồn nhân lực...). Vận động các hộ nông dân sản xuất đồng nhất chủng loại nông sản để hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp và đầu mối tiêu thụ sản phẩm; xây dựng, mở rộng liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp để hình thành chuỗi giá trị nông sản, nhằm giảm khâu trung gian giữa sản xuất với tiêu thụ nông sản, tăng thu nhập cho nông dân, tạo động lực quan trọng để phát triển; áp dụng quy trình chế biến hiện đại theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu thụ ở các thị trường cao cấp; thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất, như: chính sách ưu đãi tín dụng để tái canh, cải tạo giống cà phê; chương trình hỗ trợ tín dụng giảm tổn thất sau thu hoạch; Dự án tín dụng phát triển nông nghiệp từ nguồn vốn ODA - Nhật Bản...

- Gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến các mặt hàng nông sản; hình thành các trung tâm bảo quản nông sản; liên kết hợp tác với Thành phố

Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội để xây dựng chợ đầu mối nông sản, sản giao dịch hoa...; mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm chăn nuôi; đa dạng hoá ngành nghề, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu hợp lý trong nông nghiệp, nhất là các dịch vụ nông nghiệp.

d) Thực hiện tốt Chương trình MTQG xây dựng NTM gắn với giảm nghèo bền vững: rà soát quy hoạch nông nghiệp, nông thôn mới, đảm bảo thống nhất giữa quy hoạch sản xuất, quy hoạch dân cư và quy hoạch hạ tầng giao thông. Xây dựng nông thôn đáng sống, giảm phát thải khí nhà kính, thân thiện với môi trường. Quy hoạch phát triển các khu dân cư tập trung kiểu mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn bản sắc văn hoá. Đẩy mạnh xã hội hoá, đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo các tiêu chí, ưu tiên các nguồn lực để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, hoàn thành mục tiêu xây dựng tỉnh, huyện, xã đạt chuẩn NTM và giảm nghèo bền vững¹⁰; tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng các xã, huyện đã đạt chuẩn NTM¹¹ để trở thành kiểu mẫu cho các địa phương, cơ sở khác tham khảo thực hiện.

2.3. Tăng cường tuyên truyền về phát triển nông nghiệp, xây dựng và phát triển thương hiệu, thị trường rau, hoa, nông sản Lâm Đồng

a) Kịp thời quán triệt, tuyên truyền rộng rãi trong hệ thống chính trị và toàn xã hội về chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững của tỉnh để tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của người dân trong việc thực hiện chủ trương quan trọng này; thực hiện tốt công tác dự báo thị trường; tuyên truyền về vai trò chủ thể của người dân, cung cấp, cập nhật thông tin, nhu cầu tiêu thụ nông sản cho người dân.

b) Tiếp tục xúc tiến, xây dựng chiến lược thương hiệu và quảng bá các mặt hàng nông sản. Phối hợp với Tổ chức JICA - Nhật Bản xây dựng thành công chiến lược phát triển thương hiệu nông sản, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị thương hiệu có tầm quốc tế, cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm, tạo sự đồng tình, ủng hộ, tin tưởng vào chất lượng, để tạo điều kiện cho nông sản Lâm Đồng gia nhập thị trường thế giới.

c) Tiếp tục phát triển các làng hoa, làng nghề truyền thống, xây dựng làng đô thị xanh và phát triển các mô hình du lịch canh nông để giới thiệu, quảng bá nông sản Lâm Đồng đến thị trường trong và ngoài nước.

2.4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch sản xuất nông nghiệp, nguồn nước, chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, cảnh quan. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm cán bộ, công chức theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp với phong cách làm việc thân thiện, trách nhiệm và hỗ trợ dịch vụ

¹⁰ Theo tiêu chí giảm nghèo đa chiều.

¹¹ Nhất là các tiêu chí liên quan đến thu nhập, giảm nghèo, an sinh xã hội, môi trường, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, an ninh, trật tự xã hội...

công, tạo đột phá trong thu hút đầu tư. Tập trung đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng, đảm bảo nhiệm vụ quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

b) Chủ động đổi mới hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, thủy sản để phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhằm tập trung thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng liên kết hợp tác sản xuất, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; mở rộng các loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ khuyến nông; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở.

c) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; có chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia trong nông nghiệp; xây dựng trung tâm đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp hàng đầu cho Lâm Đồng, vùng Tây Nguyên. Bồi dưỡng kiến thức về công nghệ, hội nhập quốc tế, thể chế hoá các quy định phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp.

d) Xác định nông dân là chủ thể và là lực lượng quan trọng có tính chất quyết định đến việc thực hiện chủ trương tái cơ cấu nông nghiệp; từ đó có kế hoạch đào tạo nghề hợp lý cho nông dân, nhất là nông dân thế hệ trẻ; tăng cường tập huấn cho nông dân ở các nước tiên tiến về nông nghiệp để áp dụng công nghệ mới, các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, có kiến thức pháp luật khi tham gia các liên kết, hợp tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trong việc tiếp cận với công nghệ mới, mô hình quản lý tiên tiến và kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế.

2.5. Tăng cường hợp tác, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

a) Tiếp cận, chuyển giao, ứng dụng phương pháp quản lý mới, những công nghệ mới vào thực tế sản xuất; cập nhật, áp dụng những tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất, chế biến đảm bảo phù hợp yêu cầu thị trường, hàng rào kỹ thuật của nước nhập khẩu. Xây dựng các biện pháp tự vệ khi tham gia thị trường xuất khẩu và cạnh tranh phù hợp khi gia nhập các hiệp định thương mại.

b) Thu hút nguồn vốn ODA, FDI để đầu tư phát triển sản xuất. Có chiến lược mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là các thị trường cao cấp như Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu... Ưu tiên các nguồn lực thực hiện thành công Dự án phát triển nông nghiệp theo cách tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp do tổ chức JICA - Nhật Bản hỗ trợ; hợp tác với các nước: Bỉ, Hà Lan, Israel, Hàn Quốc... về phát triển nông nghiệp.

c) Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến rộng rãi trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân để thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết khi Việt Nam tham gia các tổ chức WTO, TPP, ASEAN, cộng đồng kinh tế Á - Âu..., nhằm chủ động nắm bắt thời cơ, lường trước thách thức, hạn chế rủi ro khi các hiệp định trên có hiệu lực.

2.6. Sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước... để phục vụ phát triển nông nghiệp; xây dựng các mô hình canh tác theo hướng cảnh quan bền vững, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp đến môi trường; nghiên cứu nhập nội, khảo nghiệm các cây trồng có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; quy hoạch hợp lý, giảm dần diện tích nhà lưới, nhà kính nhất là ở khu vực đô thị, tạo cảnh quan, môi trường. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học; bảo tồn, phát triển Khu sinh quyển thế giới Lang Biang, các vườn quốc gia, khu bảo tồn, rừng cảnh quan khác.

b) Trồng cây phân tán, che bóng trong diện tích sản xuất nông nghiệp; quản lý, bảo vệ môi trường trong sản xuất, chế biến các sản phẩm theo quy định của pháp luật; phòng, chống dịch bệnh, giảm thiểu thiệt hại trong sản xuất và đời sống của nhân dân; xây dựng kế hoạch ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

c) Tăng cường tuyên truyền, vận động, thực hiện các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường nông thôn, sử dụng nước hợp vệ sinh, thu gom, xử lý rác thải; thực hiện phong trào xây dựng thành phố, trung tâm huyện, xã, khu dân cư "xanh - sạch - đẹp"; quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh, đảm bảo đạt tiêu chuẩn xử lý về môi trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hoá việc thực hiện Nghị quyết này; kịp thời chỉ đạo giám sát, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện và định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết, gửi Ban Thường vụ Tỉnh uỷ để theo dõi, chỉ đạo.

2. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết. ML

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- TTTU, HỒND, UBND tỉnh;
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc;
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên;
- Lưu VPTU, TH.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



Nguyễn Xuân Tiến

